

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán
tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tổ chức, cá nhân tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

2. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

3. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người cư trú và người không cư trú, tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của người không cư trú và người cư trú là cá nhân người nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bao gồm:

- a) Ngân hàng Nhà nước;
- b) Ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã (sau đây gọi tắt là ngân hàng);
- c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (sau đây gọi tắt là khách hàng).

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 3. Các hình thức mở tài khoản thanh toán và việc trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán

1. Các hình thức mở tài khoản thanh toán bao gồm: tài khoản thanh toán của cá nhân, tài khoản thanh toán của tổ chức và tài khoản thanh toán chung.

2. Tài khoản thanh toán của cá nhân là tài khoản do khách hàng là cá nhân mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

3. Tài khoản thanh toán của tổ chức là tài khoản do khách hàng là tổ chức mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Chủ tài khoản thanh toán của tổ chức là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản và thay mặt tổ chức đó thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản thanh toán.

4. Tài khoản thanh toán chung là tài khoản quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Số dư trên tài khoản thanh toán được hưởng lãi theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn. Mức lãi suất do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ấn định và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán

1. Trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, chủ tài khoản thanh toán, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) được ủy quyền cho người khác.

2. Việc ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán phải bằng văn bản và được thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền. Việc ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán của tổ chức phải được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức mở tài khoản.

3. Để ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán, chủ tài khoản phải gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản văn bản ủy quyền kèm bản đăng ký mẫu chữ ký và bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời

hạn của người được ủy quyền (trường hợp bản sao không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản thanh toán có các quyền sau:

a) Sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Chủ tài khoản thanh toán được tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (nơi mở tài khoản) tạo điều kiện để sử dụng tài khoản thanh toán của mình thuận tiện và an toàn;

b) Lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cung ứng;

c) Ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

d) Yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản thanh toán của mình theo thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

đ) Được yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản tạm khóa, đóng tài khoản thanh toán khi cần thiết; được gửi thông báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ tài khoản thanh toán có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản;

b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Thông tư này;

c) Kịp thời thông báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;

d) Hoàn trả hoặc phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình;

đ) Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin liên quan về mở và sử dụng tài khoản thanh toán. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán;

e) Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản do lỗi của mình;

h) Không được cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán của mình;

i) Không được sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản thanh toán cho khách hàng có quyền:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán của khách hàng trong trường hợp:

- Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước bằng văn bản với khách hàng phù hợp quy định của pháp luật;

- Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật;

- Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và thông báo cho chủ tài khoản biết;

- Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản của khách hàng hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền;

- Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

b) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản trong trường hợp:

- Chủ tài khoản không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ

mở tài khoản thanh toán hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

- Tài khoản thanh toán không có đủ số dư hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện lệnh thanh toán;

- Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền;

- Tài khoản thanh toán đang bị tạm khóa, bị phong tỏa toàn bộ hoặc tài khoản thanh toán đang bị đóng, tài khoản thanh toán bị tạm khóa hoặc phong tỏa một phần mà phần không bị tạm khóa, phong tỏa không có đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán.

c) Từ chối yêu cầu tạm khóa, đóng tài khoản thanh toán của chủ tài khoản hoặc chưa phong tỏa tài khoản thanh toán chung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Thông tư này khi chủ tài khoản chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản;

d) Quy định về số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để khách hàng biết;

đ) Quy định và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp các quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có nghĩa vụ:

a) Thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán;

b) Lưu giữ mẫu chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (trường hợp khách hàng là tổ chức thuộc đối tượng bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng) và những người được ủy quyền để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;

c) Ghi Có vào tài khoản thanh toán của khách hàng kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán của khách hàng;

d) Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với chủ tài khoản (được quy định tại hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán) và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp;

đ) Cập nhật kịp thời các thông tin khi có thông báo thay đổi nội dung trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của chủ tài khoản. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ mở tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật;

e) Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán và giao dịch trên tài khoản thanh toán của chủ tài khoản theo quy định của pháp luật;

g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo trên tài khoản thanh toán của khách hàng do lỗi của mình;

h) Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;

i) Xây dựng quy trình nội bộ về mở, sử dụng tài khoản thanh toán và duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán. Hướng dẫn, thông báo công khai để khách hàng biết và giải đáp, xử lý kịp thời các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

Chương II **MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN** **TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Điều 7. Đối tượng mở tài khoản thanh toán

1. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức sau:

- a) Tổ chức tín dụng (trụ sở chính);
- b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Kho bạc Nhà nước Trung ương.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn.

Điều 8. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán

1. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký (theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 đính kèm Thông tư này) do người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản ký tên, đóng dấu;

b) Các giấy tờ chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: điều lệ, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

c) Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đăng ký làm chủ tài khoản và giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;

d) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước.

2. Các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này là bản chính hoặc bản sao. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán

1. Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức mở tài khoản thanh toán lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này gửi đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán.

2. Khi nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phải kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ và đối chiếu với các yếu tố đã kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán, đảm bảo sự khớp đúng, chính xác.

Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì tổ chức mở tài khoản thanh toán phải xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán của tổ chức mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước phải giải quyết việc mở tài khoản thanh toán như sau:

a) Trường hợp hồ sơ mở tài khoản thanh toán đầy đủ và hợp lệ, các yếu tố kê khai tại Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán khớp đúng với các giấy tờ liên quan trong hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản thanh toán và thông báo cho khách hàng biết về số hiệu và ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán;

b) Trường hợp hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc còn có sự sai lệch giữa các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán với các giấy tờ liên quan trong hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho khách hàng biết để hoàn thiện hồ sơ, gửi Ngân hàng Nhà nước xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mở tài khoản thanh toán thì phải thông báo lý do cho khách hàng biết.

Điều 10. Sử dụng tài khoản thanh toán

1. Tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước được sử dụng để nộp, rút tiền mặt, phát hành séc, hạch toán, theo dõi và thực hiện các lệnh thanh toán qua các hệ thống thanh toán do Ngân hàng Nhà nước tổ chức và vận hành, thanh toán từng lần qua tài khoản và các dịch vụ thanh toán khác do Ngân hàng Nhà nước cung ứng.

2. Tài khoản thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán khi tham gia nghiệp vụ thị trường mở, mua bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các hoạt động khác trên thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chương III**MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG VÀ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI****Điều 11. Đối tượng mở tài khoản thanh toán**

1. Cá nhân mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:

a) Người từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong việc mở tài khoản thanh toán;

c) Người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam mở tài khoản thanh toán thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật.

2. Tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm: tổ chức là pháp nhân, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể và các tổ chức khác được mở tài khoản tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán

1. Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

b) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn, giấy khai sinh (đối với cá nhân là công dân Việt Nam chưa đủ 14 tuổi), thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh (đối với cá nhân là người nước ngoài) của chủ tài khoản;

c) Trường hợp cá nhân mở tài khoản thanh toán thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm a và b khoản 1 Điều này, hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải có thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật và các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đó đối với chủ tài khoản.

2. Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

b) Các giấy tờ chứng minh việc tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp: Quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật;

c) Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của người đăng ký làm chủ tài khoản kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;

d) Trường hợp tổ chức mở tài khoản thanh toán thuộc đối tượng bắt buộc phải có chữ ký kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán trên chứng từ kế toán giao dịch với ngân hàng theo quy định của pháp luật thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này, hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải có quyết định bổ nhiệm kèm giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) của tổ chức mở tài khoản thanh toán.

3. Đối với tài khoản thanh toán chung:

a) Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này;

b) Giấy tờ của các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung:

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân, hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm những giấy tờ như quy định tại khoản 1 Điều này;

- Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức, hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm những giấy tờ như quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung của các chủ tài khoản.

4. Các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này và điểm b, c, d khoản 2 Điều này là bản chính hoặc bản sao. Nếu giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán

1. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán cá nhân phải có đủ những nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về chủ tài khoản, bao gồm:

- Đối với cá nhân là người Việt Nam: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn thời hạn, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại; thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;

- Đối với cá nhân là người nước ngoài: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn thời hạn, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam; thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú.

b) Thông tin về người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản (đối với trường hợp cá nhân mở tài khoản thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật), bao gồm:

- Trường hợp người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản là cá nhân, các thông tin về người giám hộ, người đại diện hợp pháp được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Trường hợp người giám hộ của chủ tài khoản là tổ chức, các thông tin gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; người đại diện hợp pháp của tổ chức đó.

c) Mẫu chữ ký của chủ tài khoản hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản và những người khác có liên quan (nếu có) trên chứng từ giao dịch với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán của tổ chức phải có đủ những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh;

b) Thông tin về người đại diện hợp pháp đăng ký làm chủ tài khoản thanh toán của tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Thông tin về kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (đối với trường hợp tổ chức mở tài khoản thuộc đối tượng phải bố trí kế toán trưởng theo quy định của pháp luật) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Mẫu chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (đối với trường hợp tổ chức mở tài khoản thuộc đối tượng phải bố trí kế toán trưởng theo quy định của pháp luật) và mẫu dấu (nếu có) trên chứng từ giao dịch với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Chữ ký, họ tên của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) của tổ chức mở tài khoản.

3. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán chung phải có đủ những nội dung chủ yếu về các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung, cụ thể:

a) Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân, các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức, các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Ngoài những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bổ sung thêm những nội dung khác trên mẫu giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán tại đơn vị mình để phục vụ cho yêu cầu quản lý và phù hợp với từng đối tượng khách hàng, nhưng phải thông báo rõ và hướng dẫn cụ thể cho khách hàng biết.

Điều 14. Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán

1. Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán, khách hàng lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc phương tiện điện tử đến ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán.

2. Khi nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra các giấy tờ trong hồ sơ, đối chiếu với các yếu tố đã kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán và xử lý:

a) Trường hợp khách hàng nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính:

- Nếu các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, hoặc các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản chưa khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng để hoàn thiện, nộp lại hồ sơ;

- Nếu các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đã đầy đủ, các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản hoàn toàn khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán nhưng giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì ngân

hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng nộp bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu. Đối với trường hợp xuất trình bản chính để đối chiếu, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính;

- Nếu các giấy tờ tại hồ sơ mở tài khoản thanh toán đã đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ theo quy định, các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản hoàn toàn khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiến hành ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán với khách hàng theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Đối với trường hợp khách hàng gửi qua phương tiện điện tử:

- Nếu các giấy tờ tại hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, hoặc các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản chưa khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng để hoàn thiện hồ sơ;

- Nếu các giấy tờ tại hồ sơ mở tài khoản thanh toán đã đầy đủ, các yếu tố kê khai tại giấy đề nghị mở tài khoản hoàn toàn khớp đúng với các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng nộp bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu. Đối với trường hợp xuất trình bản chính để đối chiếu, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

c) Trường hợp ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ chối mở tài khoản thanh toán thì phải thông báo lý do cho khách hàng biết.

3. Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đã đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ theo quy định, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiến hành ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán với khách hàng như sau:

a) Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản (hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) khi ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán;

b) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức: ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản khi ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán nhưng phải đối chiếu, đảm bảo khớp đúng giữa dấu (nếu có), chữ ký của chủ tài khoản trên hợp đồng với mẫu dấu, mẫu chữ ký của chủ tài khoản trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán;

c) Đối với tài khoản thanh toán chung:

- Trường hợp các chủ thể hoặc một trong các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân thì ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản (hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) khi ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán;

- Trường hợp các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức thì ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản khi ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán nhưng phải đối chiếu, đảm bảo khớp đúng giữa dấu (nếu có), chữ ký của chủ tài khoản trên hợp đồng với mẫu dấu, mẫu chữ ký của chủ tài khoản trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán.

4. Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán với khách hàng phải ghi rõ số hiệu, ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán và gửi cho khách hàng một (01) bản.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn khách hàng về trình tự, thủ tục tiếp nhận, xử lý hồ sơ mở tài khoản thanh toán và địa điểm ký hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với điều kiện và khả năng cung ứng của đơn vị mình.

Điều 15. Sử dụng tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản được sử dụng tài khoản thanh toán để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn khách hàng các nguyên tắc và điều kiện sử dụng tài khoản thanh toán trong trường hợp giao dịch theo phương thức truyền thống hoặc giao dịch điện tử phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo có đủ thông tin cần thiết để kiểm tra, đối chiếu và nhận biết khách hàng trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán.

2. Việc sử dụng tài khoản thanh toán của cá nhân là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự phải được thực hiện thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật. Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật thực hiện các giao dịch thanh toán thông qua tài khoản thanh toán của người được giám hộ hoặc người mà mình làm đại diện theo quy định của pháp luật dân sự về giám hộ và đại diện.

3. Chủ tài khoản thanh toán của cá nhân là người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi sử dụng tài khoản thanh toán phải có tài sản riêng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật dân sự.

4. Việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải thực hiện đúng theo các nội dung tại văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung của các chủ tài khoản và phải tuân theo các nguyên tắc sau:

a) Các chủ tài khoản thanh toán chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản thanh toán chung và việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung;

b) Thông báo liên quan đến việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được gửi đến tất cả các chủ tài khoản, trừ trường hợp giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các chủ tài khoản thanh toán chung có thỏa thuận khác;

c) Từng chủ tài khoản thanh toán chung có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình sử dụng tài khoản thanh toán chung nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản chung còn lại;

d) Khi một trong các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự; chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TẠM KHÓA, PHONG TỎA VÀ ĐÓNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều 16. Tạm khóa tài khoản thanh toán

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện tạm khóa tài khoản thanh toán của khách hàng (tạm dừng giao dịch) một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán khi có văn bản yêu cầu của chủ tài khoản (hoặc người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Việc chấm dứt tạm khóa tài khoản thanh toán và việc xử lý các lệnh thanh toán đi, đến trong thời gian tạm khóa thực hiện theo yêu cầu của chủ tài khoản thanh toán (hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) hoặc theo văn bản thỏa thuận giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 17. Phong tỏa tài khoản thanh toán

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của khách hàng hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán;

d) Có thông báo bằng văn bản của một trong các chủ tài khoản về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung.

2. Ngay sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo bằng văn bản cho chủ tài khoản (hoặc người giám hộ, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản bị phong tỏa một phần thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

3. Trường hợp phong tỏa tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán không vượt quá với số tiền trên lệnh chuyển tiền bị sai sót, nhầm lẫn.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán khi có một trong các điều kiện sau:

a) Kết thúc thời hạn phong tỏa;

b) Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn về chuyển tiền;

d) Sau khi xác minh tài khoản thanh toán không có gian lận hoặc vi phạm pháp luật;

đ) Có thông báo bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung về việc tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung đã được giải quyết.

Điều 18. Đóng tài khoản thanh toán

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện đóng tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Có văn bản yêu cầu đóng tài khoản thanh toán của chủ tài khoản và chủ tài khoản đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán. Trường hợp chủ tài khoản là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự thì việc đóng tài khoản được thực hiện theo yêu cầu của người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản;

b) Chủ tài khoản thanh toán của cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

c) Tổ chức có tài khoản thanh toán chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Chủ tài khoản vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại hợp đồng về mở và sử dụng tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn đối với việc đóng tài khoản thanh toán do không duy trì đủ số dư tối thiểu và không phát sinh giao dịch trong thời gian dài; thời hạn thông báo cho chủ tài khoản trước khi đóng tài khoản thanh toán và các vấn đề cụ thể khác liên quan đến việc đóng tài khoản thanh toán trong trường hợp này do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định và thông báo công khai cho khách hàng.

3. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho chủ tài khoản, người giám hộ hoặc người thừa kế hợp pháp biết trong trường hợp chủ tài khoản thanh toán của cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết hoặc mất tích.

4. Số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán được xử lý như sau:

a) Chi trả theo yêu cầu của chủ tài khoản, người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản (trường hợp chủ tài khoản là người chưa đủ 15 tuổi, người từ đủ 15 tuổi đến 18 tuổi không có tài sản riêng, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự) hoặc người được thừa kế, đại diện thừa kế trong trường hợp chủ tài khoản thanh toán của cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, mất tích;

b) Chi trả theo quyết định của tòa án;

c) Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản đã được thông báo mà không đến nhận hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản với chủ tài khoản, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, khách hàng muốn sử dụng tài khoản thanh toán phải làm thủ tục mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Thông tư này.

Chương V

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2014.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 1284/2002/QĐ-NHNN ngày 21/11/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng và Điều 4 Thông tư số 23/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Toàn Thắng

Phụ lục số 01

ĐƠN VỊ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(Tên Tổ chức mở tài khoản) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN
TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:.....

Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán:.....

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

+ Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....

+ Tên dùng để giao dịch:.....

Quyết định thành lập số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Website:..... Email:.....

Họ và tên người đại diện hợp pháp (chủ tài khoản):.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính (Nam/Nữ):.....

Quốc tịch:..... là người cư trú/ không cư trú:.....

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Quyết định bổ nhiệm số..... ngày..... tháng..... năm.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Họ và tên Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán hoặc người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước):

Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính (Nam/Nữ):.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Quyết định bổ nhiệm số:..... Ngày

Đề nghị mở tài khoản thanh toán tại:.....

Loại tiền tệ: VND USD Loại khác.....

Chúng tôi cam kết:

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đính kèm.

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Có văn bản (kèm các giấy tờ liên quan) gửi Ngân hàng Nhà nước khi có bất kỳ sự thay đổi nào về thông tin mở tài khoản thanh toán hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Ngân hàng Nhà nước.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1) Bản đăng ký mẫu dấu và chữ ký kèm văn bản ủy quyền của Chủ tài khoản, Kế toán trưởng;
- 2) Quyết định số.....
- 3)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm soát và xác định Hồ sơ mở tài khoản thanh toán của..... là đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước..... đồng ý mở tài khoản thanh toán số:..... cho.....

Ngày bắt đầu hoạt động:.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG

NHÀ NƯỚC/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG

NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 02

**BẢN ĐĂNG KÝ MẪU DẤU, CHỮ KÝ
SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

(Đính kèm Giấy đề nghị mở tài khoản số..... ngày..... của.....)

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ giao dịch:..... Điện thoại giao dịch:.....

Tên tài khoản thanh toán:.....

Số tài khoản thanh toán:.....

Nơi mở tài khoản thanh toán:

Đăng ký mẫu chữ ký và mẫu dấu sẽ sử dụng trên các chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước..... như sau:

1. Mẫu chữ ký

Người đăng ký mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký thứ nhất	Mẫu chữ ký thứ hai
<p>Chủ tài khoản và người được ủy quyền Họ và tên Chủ tài khoản: Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:</p>		
<p>Họ và tên người được Chủ tài khoản ủy quyền (<i>người thứ nhất</i>): Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:</p> <p>Giấy ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:</p>		
<p>Họ và tên người được Chủ tài khoản ủy quyền (<i>người thứ hai</i>): Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:</p> <p>Giấy ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:</p>		

Người đăng ký mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký thứ nhất	Mẫu chữ ký thứ hai
Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với NHNN) và người được ủy quyền		
Họ và tên kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với NHNN):..... Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:		
Họ và tên người được Kế toán trưởng ủy quyền (<i>người thứ nhất</i>): Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:		
Giấy ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:.....		
Họ và tên người được Kế toán trưởng ủy quyền (<i>người thứ hai</i>): Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:		
Giấy ủy quyền số..... ngày..... Thời hạn ủy quyền:..... Phạm vi ủy quyền:.....		

2. Mẫu dấu

Mẫu dấu thứ nhất	Mẫu dấu thứ hai

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)